

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC KẠN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2020

V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Tạ Văn Tư**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1) Ông **Lường Tuấn Nhã**

2) Ông **Hoàng Văn Hoạt**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Tạ Xuân Trà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Đức Chung** - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T** sinh năm 1994; Địa chỉ: tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

\*Bị đơn: Anh **Chu Quang M**, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay anh Chu Quang M đang thi hành án tại Đội P Phân trại Q - Cục Cảnh sát quản lý Trại giam, Cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng Trại Giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an (đóng trên địa bàn huyện P, tỉnh Thái Nguyên).

(Chị T, anh M đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nông Thị M1** sinh năm 1967;

2. Ông **Chu Quang Đ** sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

(Ông Đ, bà M1 đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị **Hoàng Thị T** trình bày:

Chị kết hôn với anh Chu Quang M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã B (nay là phường H, thành phố B), tỉnh Bắc Kạn vào ngày 27/5/2013. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng mấy năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin được ly hôn anh Chu Quang M.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Chu Hoàng L sinh ngày 11/11/2013, con chung hiện đang khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng giao con chung cho anh Chu Quang M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

*\*Bị đơn anh Chu Quang M trong quá trình tố tụng trình bày:*

Do hiện nay anh M đang phải chấp hành án tại Phân trại Q - Trại giam Phú Sơn 4, Cục C10 - Bộ Công an nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và đã tiến hành ủy thác lấy lời khai của anh M theo quy định của pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai, anh M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân; Đúng như chị T trình bày, sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn, nhưng từ năm 2016 hai người đã ly thân cho đến nay và chị T bỏ nhà đi đâu, làm gì anh không quan tâm. Nay chị T xin ly hôn anh nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Chu Hoàng L sinh ngày 11/11/2013, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Trong thời gian chưa chấp hành án xong, anh M nhờ bố mẹ đẻ của mình là ông Chu Quang Đ và bà Nông Thị M1, địa chỉ tại tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thay anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Chu Hoàng L đến khi anh M chấp hành án xong, trở về địa phương sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T và anh M đều có đơn đề nghị Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vì có lý do chính đáng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Quang Đ, bà Nông Thị M1 trong quá trình tố tụng trình bày:*

Từ năm 2016, khi chị T bỏ nhà ra đi cho đến nay, cháu L vẫn sống trực tiếp với anh M và ông bà nội là ông Chu Quang Đ và bà Nông Thị M1. Nay vợ chồng chị T và anh M xin ly hôn và có nguyện vọng giao cháu L cho Ông Đ và bà M1 tiếp tục thay anh M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Hoàng L cho đến khi anh M chấp hành án xong, ông bà hoàn toàn nhất trí.

\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Chị Hoàng Thị T và anh Chu Quang M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Chị Hoàng Thị T và anh Chu Quang M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã B (nay là phường H, thành phố B), tỉnh Bắc Kạn vào ngày 27/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; vì vậy, hôn nhân của chị T và anh M là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng mấy năm đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, hạnh phúc vợ chồng không còn. Chị T làm đơn xin ly hôn anh M vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc do anh M không tu trí làm ăn, ham chơi, mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M không nghe. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng anh M, chị T đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc và liên lạc gì với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, cả chị T và anh M đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh M cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh M và chị T thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do anh M không tu chí làm ăn, ham chơi, do đó chị T đã bỏ đi và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn liên lạc và bỏ mặc nhau trong cuộc sống, anh M cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh M và chị T có 01 con chung tên là Chu Hoàng L sinh ngày 11/11/2013, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Từ khi ly thân đến nay, cháu L sống trực tiếp với anh M và ông bà nội là ông Chu Quang Đ và bà Nông Thị M1 tại tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi ly hôn, anh M, chị T đều có nguyện vọng là giao con chung cho anh Chu Quang M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, hiện nay anh M đang phải chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an. Trong thời gian chưa chấp hành án xong, anh M nhờ bố mẹ đẻ của mình là ông Chu Quang Đ và bà Nông Thị M1, địa chỉ tại tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thay anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Chu Hoàng L đến khi anh M chấp hành án xong, trở về địa phương sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy, con chung còn nhỏ, từ trước đến nay sống ổn định với bố (trước khi anh M đi chấp hành án) và ông bà nội, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, hiện nay thời gian mà anh M phải chấp hành án cũng sắp hết (còn khoảng 03 tháng), sau khi chấp hành xong anh M trở về nhà, tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Hoàng L là phù hợp.

Kết quả xác minh tại đại phương, cho thấy: Từ trước đến nay, cháu L luôn được bố và ông bà nội trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt, cháu phát triển bình thường. Ông, bà nội của cháu ông Chu Quang Đ và bà Nông Thị M1 vẫn chưa hết tuổi lao động, bà M1 làm nghề giáo viên, thu nhập mỗi tháng 13.000.000 đ (mười ba triệu đồng), ông Đ làm nghề tự do, nhưng vẫn có thu nhập về kinh tế. Trong quá trình xác minh, Tòa án đã cho ông Đ, bà M1 biết nguyện vọng của anh M và chị T về vấn đề con chung khi ly hôn, và đề nghị ông Đ và bà M1 cho ý kiến. Theo đó cả ông Đ và bà M1 đều có nguyện vọng là muốn được tiếp tục thay anh M trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Hoàng L cho đến khi anh M chấp hành án xong.

Về phần chị T, từ khi rời địa phương, chị T đi làm công nhân tại tỉnh V. Do hoàn cảnh khó khăn, lương công nhân thấp, công việc không ổn định nên chị T không có nhà ở, phải đi thuê phòng trọ, thay đổi chỗ ở thường xuyên, bản thân lại chỉ có một mình nên nếu giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng thì sẽ ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt, cuộc sống, học tập của cháu L.

Ngược lại, nếu giao con chung cho bố là anh Chu Quang M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục thì con chung tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, học tập ổn định. Mọi quyền lợi, điều kiện về vật chất sẽ được đảm bảo tốt nhất để cháu phát triển bình thường.

Từ những cơ sở trên, xét thấy để đảm bảo quyền lợi và các điều kiện tốt nhất cho con chung, cần thiết giao con chung cho bố là anh Chu Quang M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong thời gian anh M chưa chấp hành án xong, anh M nhờ ông Đ, bà M1 thay anh M thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Hoàng L cho đến khi anh M chấp hành án xong, trở về địa phương để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Hoàng L cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Anh M không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T đối với anh Chu Quang M. Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Chu Quang M.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Chu Hoàng L sinh ngày 11/11/2013 cho anh Chu Quang M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Chu Quang M còn

đang chấp hành án, tạm giao cháu Chu Hoàng L sinh ngày 11/11/2013 cho ông Chu Quang Đ và bà Nông Thị M1 (là ông bà nội của cháu Chu Hoàng L) thay anh Chu Quang M thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Hoàng L cho đến khi anh M chấp hành án xong.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000135, ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị Hoàng Thị T, anh Chu Quang M, ông Chu Quang Đ, bà Nông Thị M1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tp. Bắc Kạn (02b);
- Chi cục THADS tp. Bắc Kạn ( 01b, khi Án có hiệu lực);
- Các đương sự (01b);
- UBND p. H, Tp B, tỉnh Bắc Kạn (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Tạ Văn Tư**